

Số: 22 /KL-TTr

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2022

KẾT LUẬN THANH TRA

Việc chấp hành các quy định của pháp luật lao động tại Chi nhánh Tổng công ty Điện lực thành phố Hà Nội - Công ty Lưới điện cao thế thành phố Hà Nội

Thực hiện Quyết định số 08/QĐ-TTr ngày 11/02/2022 của Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật lao động, ngày 11/3/2022, Đoàn thanh tra của Thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã tiến hành thanh tra tại trụ sở Chi nhánh Tổng công ty Điện lực thành phố Hà Nội - Công ty Lưới điện cao thế thành phố Hà Nội; thời kỳ thanh tra từ ngày 01/01/2020 đến thời điểm thanh tra;

Xét báo cáo kết quả thanh tra ngày 23 tháng 3 năm 2022 của Trưởng đoàn thanh tra,

Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội kết luận như sau:

I. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

1. Tên doanh nghiệp: Chi nhánh Tổng công ty Điện lực thành phố Hà Nội - Công ty Lưới điện cao thế thành phố Hà Nội (sau đây gọi là doanh nghiệp).
2. Loại hình doanh nghiệp: doanh nghiệp 100% vốn nhà nước hạch toán phụ thuộc.
3. Cơ quan chủ quản: Tổng công ty Điện lực thành phố Hà Nội (sau đây gọi tắt là Tổng công ty).
4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100101114-030, đăng ký lần đầu ngày 27/11/2000, thay đổi lần thứ 05 ngày 04/3/2019, do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.
5. Ngành nghề sản xuất kinh doanh chủ yếu: Truyền tải và phân phối điện.
6. Trụ sở chính: Tổ 44, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.
7. Số tài khoản: 11900039820 tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Quang Trung.
8. Cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp bao gồm:
 - + Ban Lãnh đạo: Giám đốc và 03 Phó Giám đốc;
 - + 06 phòng chức năng, 10 đội và 01 trung tâm dịch vụ.
9. Tổ chức công đoàn cơ sở: đã thành lập tổ chức công đoàn cơ sở.
10. Tổng số người làm việc tại doanh nghiệp tính đến thời thanh tra: 400 người, trong đó nữ 92 người.

II. NHỮNG QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LAO ĐỘNG ĐÃ ĐƯỢC DOANH NGHIỆP THỰC HIỆN

1. Báo cáo định kỳ

- Đã báo cáo định kỳ về tình hình thay đổi lao động 06 tháng đầu năm và hàng năm với Tổng công ty.
- Đã báo cáo định kỳ hàng năm về công tác an toàn, vệ sinh lao động với Tổng công ty.
- Đã báo cáo định kỳ về tình hình tai nạn lao động 06 tháng đầu năm và hàng năm với Tổng công ty.

2. Tuyển dụng và đào tạo lao động

- Doanh nghiệp tiếp nhận 13 lao động do Tổng công ty phân bổ.
- Hình thức và phương thức tuyển: Tổng công ty tuyển dụng lao động.
- Không thu phí tuyển dụng người lao động, không nhận tài sản hoặc tiền đặt cọc của người lao động để đảm bảo thực hiện hợp đồng lao động.
- Không giữ bản chính văn bằng, chứng chỉ gốc hoặc giấy tờ tùy thân của người lao động.
- Hình thức đào tạo: trực tiếp đào tạo.
- Đã xây dựng và thực hiện kế hoạch đào tạo, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề hàng năm.
- Đã lập, cập nhật, quản lý, sử dụng sổ quản lý lao động.
- Doanh nghiệp áp dụng thời gian thử việc không quá 60 ngày đối với lao động cần trình độ kỹ năng nghề, chuyên môn, kỹ thuật từ cao đẳng trở lên.
- Trong thời kỳ thanh tra, số lao động tăng tại doanh nghiệp là 17 người (tuyển mới 13 người, 04 người chuyển đến từ các đơn vị trực thuộc Tổng công ty), số lao động giảm là 41 (chấm dứt hợp đồng lao động, nghỉ hưu, chuyển chuyển nội bộ trong Tổng công ty).

3. Giao kết và thực hiện hợp đồng lao động (số liệu tính tại thời điểm thanh tra)

- Số người không thuộc diện phải ký kết hợp đồng lao động: 0.
- Số người thuộc diện phải ký kết hợp đồng lao động: 400 người.
- Số người đã ký kết hợp đồng lao động, chia ra:
 - + Hợp đồng lao động không xác định thời hạn: 390 người;
 - + Hợp đồng lao động xác định thời hạn (từ 06 tháng đến 12 tháng): 10 người.
- Số lao động bị mất việc làm trong thời kỳ thanh tra: 0.
- Trong thời kỳ thanh tra, tại doanh nghiệp có 10 lao động thôi việc; đã trả trợ cấp thôi việc cho 06/06 người lao động đủ điều kiện hưởng trợ cấp thôi việc với tổng số tiền là 437.176.000 đồng.

4. Đối thoại tại doanh nghiệp và thoả ước lao động tập thể

- Đã thực hiện đối thoại định kỳ tại nơi làm việc theo quy định.

- Doanh nghiệp đã thực hiện các nội dung theo thỏa ước lao động tập thể của Tổng Công ty xây dựng và ký kết ngày 04/11/2020.

5. Thời giờ làm việc và nghỉ ngơi

- Thời giờ làm việc hàng ngày, hàng tuần trong điều kiện lao động, môi trường lao động bình thường 08 giờ/ngày, 40 giờ/tuần đối với bộ phận gián tiếp; 08 giờ/ngày, 48 giờ/tuần đối với bộ phận trực tiếp sản xuất kinh doanh, áp dụng thời giờ làm việc theo ca (03 ca 04 kíp).

- Việc thực hiện các quy định về thời giờ nghỉ ngơi: đã bố trí cho người lao động nghỉ ít nhất 04 ngày/tháng, nghỉ chuyển ca theo quy định.

- Số giờ làm thêm hàng ngày, hàng tuần và hàng năm: Doanh nghiệp tổ chức người lao động làm thêm giờ, số giờ làm thêm không vượt quá quy định.

- Đã thực hiện các quy định về nghỉ lễ, Tết, nghỉ việc riêng có lương, nghỉ việc riêng không hưởng lương.

- Doanh nghiệp áp dụng ngày nghỉ hàng năm đối với lao động theo quy định.

6. Tiền lương và thu nhập

6.1. Tiền lương và thu nhập của người lao động

6.1.1. Việc xây dựng thang lương, bảng lương, phụ cấp lương, định mức lao động và quy chế trả lương

- Doanh nghiệp áp dụng hệ thống thang lương, bảng lương, phụ cấp lương do Tập đoàn xây dựng ban hành kèm theo Quyết định 234/QĐ-EVN ngày 24/8/2018, Quyết định số 31/QĐ-EVN ngày 01/4/2021 và Công văn số 4290/EVN-TC&NS ngày 28/8/2018 của Tập đoàn hướng dẫn các đơn vị trực thuộc thực hiện xếp lương theo thang lương, bảng lương và chế độ phụ cấp lương.

- Doanh nghiệp áp dụng định mức lao động do Tập đoàn xây dựng ban hành kèm theo Quyết định số 220/QĐ-EVN ngày 30/11/2015, Quyết định số 215/QĐ-EVN ngày 09/12/2016 và định mức lao động do Bộ Công Thương, Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành.

- Việc xây dựng quy chế nâng lương: Doanh nghiệp áp dụng quy định về bồi dưỡng, thi và kiểm tra sát hạch nghề do Tập đoàn ban hành kèm theo Quyết định số 940/QĐ-EVN ngày 26/7/2021.

- Quy chế nâng ngạch lương: doanh nghiệp áp dụng quy chế thi và xếp lương nâng ngạch viên chức chuyên môn nghiệp vụ do Tập đoàn xây dựng ban hành kèm theo Quyết định số 528/QĐ-EVN ngày 05/8/2014.

- Quy chế trả lương: doanh nghiệp áp dụng quy chế về công tác lao động và tiền lương của Tổng công ty ban hành kèm theo Quyết định số 7288/QĐ-EVNHANOI ngày 19/10/2018 để làm căn cứ trả lương, chế độ an toàn điện cho người lao động hưởng lương từ quỹ lương sản xuất kinh doanh điện; doanh nghiệp đã xây dựng quy định tạm thời chế độ tiền lương và phân phối thu nhập từ quỹ lương sản xuất kinh doanh khác (Quyết định số 41/QĐ-EVN HANOI HGC ngày 07/01/2020) để làm căn cứ trả lương cho người lao động hưởng lương từ quỹ lương sản xuất kinh doanh khác.

- Hệ số lương bình quân (HSLBQ) và hệ số phụ cấp lương bình quân (HSPCLBQ) được xếp theo thang, bảng lương tại doanh nghiệp:

+ HSLBQ:

Nội dung	Năm 2020		Năm 2021	
	Số lao động	HSLBQ	Số lao động	HSLBQ
Lao động gián tiếp	62	3,758	62	3,811
Công nhân trực tiếp SXKD	336	3,401	339	3,475
Tổng số	398	3,798	401	3,744

+ HSPCLBQ:

Các loại phụ cấp	Năm 2020		Năm 2021	
	Số lao động	HSPCBQ	Số lao động	HSPCBQ
Chức vụ	19	0,43	20	0,44
Trách nhiệm	66	0,2	64	0,2
Khác (phụ cấp lưu động)	179	0,39	165	0,4
Bình quân chung	398	0,003	401	0,003

6.1.2. Xác định quỹ tiền lương kế hoạch, quỹ tiền lương thực hiện

- Doanh nghiệp là Chi nhánh, hạch toán phụ thuộc Tổng công ty nên không phải xây dựng quỹ tiền lương kế hoạch, thực hiện đối với người lao động theo quy định của pháp luật.

- Quỹ tiền lương của người lao động của doanh nghiệp gồm 02 nguồn:

+ Quỹ tiền lương sản xuất kinh doanh điện thuộc quỹ tiền lương của Tổng công ty, việc xây dựng quỹ tiền lương kế hoạch, thực hiện hàng năm do Tổng công ty xây dựng và được Tập đoàn phê duyệt. Sau khi được Tập đoàn phê duyệt, Tổng công ty phân phối cho doanh nghiệp để trả lương cho người lao động. Quỹ tiền lương sản xuất kinh doanh điện năm 2020 là 96.335 triệu đồng (theo Quyết định số 115/QĐ-HĐTV ngày 16/4/2021 của Tổng công ty), năm 2021, Tổng công ty chưa phê duyệt cho doanh nghiệp, tại thời điểm thanh tra, doanh nghiệp đã tạm chi cho người lao động là 79.153 triệu đồng.

+ Quỹ tiền lương sản xuất kinh doanh khác: Doanh nghiệp thực hiện kiêm nhiệm hoạt động sản xuất kinh doanh khác (bao gồm công tác sửa chữa lớn; tư vấn, thí nghiệm cho khách hàng). Quỹ tiền lương được xác định trên cơ sở tổng hợp quyết toán chi phí nhân công của từng hạng mục hoàn thành. Doanh nghiệp được Tổng công ty ủy quyền phê duyệt, quyết toán quỹ tiền lương sản xuất kinh doanh khác. Quỹ tiền lương thực hiện sản xuất kinh doanh khác năm 2020 là 2.905 triệu đồng; năm 2021, doanh nghiệp chưa quyết toán, tại thời điểm thanh tra, doanh nghiệp đã tạm chi cho người lao động là 5.176 triệu đồng.

- Doanh nghiệp đã xác định chi phí nhân công của các hoạt động sản xuất kinh doanh khác theo đúng định mức lao động, đơn giá nhân công do Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Bộ Công Thương, Bộ Thông tin và Truyền thông và Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội ban hành.

6.1.3. Việc thực hiện trả lương cho người lao động tại doanh nghiệp

- Doanh nghiệp trả lương theo thời gian.
- Doanh nghiệp đã trả lương cho người lao động theo quy chế của Tổng công ty và quy định tạm thời chế độ tiền lương và phân phối thu nhập từ quỹ lương sản xuất kinh doanh khác của doanh nghiệp.
- Đã trả lương những ngày chưa nghỉ hàng năm hoặc ngày chưa nghỉ hết số ngày nghỉ hàng năm cho người lao động khi thôi việc.
- Trong thời kỳ thanh tra, không có vụ việc xử lý kỷ luật lao động bằng hình thức phạt tiền, trừ lương, không phát sinh trường hợp người lao động ngừng việc, thiếu việc làm.

6.1.4. Các khoản thu nhập khác

a. Chế độ ăn ca: 100% số lao động được hưởng tiền ăn ca khi làm việc, mức tiền ăn ca bình quân là 730.000 đồng/người/tháng.

b. Chế độ an toàn điện

Doanh nghiệp đã chi chế độ an toàn điện cho người lao động theo đúng Quy chế về công tác lao động và tiền lương ban hành kèm theo Quyết định số 7288/QĐ-EVNHANOI ngày 19/10/2018 của Tổng công ty. Số tiền đã chi năm 14.600 triệu đồng, năm 2021 là 6.936 triệu đồng.

c. Quỹ khen thưởng, phúc lợi.

- Doanh nghiệp là Chi nhánh, hạch toán phụ thuộc Tổng công ty, được Tổng công ty phân bổ quỹ khen thưởng, phúc lợi.

- Doanh nghiệp áp dụng quy chế quản lý tài sản và nguồn vốn của Tổng công ty ban hành kèm theo Quyết định số 2406/QĐ-EVNHANOI ngày 29/3/2019 để chi quỹ khen thưởng, phúc lợi cho người lao động.

- Tổng số tiền đã chi quỹ khen thưởng, phúc lợi cho người lao động năm 2020 là 4.950 triệu đồng, năm 2021 là 5.368 triệu đồng..

6.1.5. Tiền lương và thu nhập bình quân chung tại doanh nghiệp

Đơn vị tính: triệu đồng/người/tháng

Chỉ tiêu	Năm 2020			Năm 2021		
	Cao nhất	Bình quân	Thấp nhất	Cao nhất	Bình quân	Thấp nhất
Tiền lương	38,526	17,085	10,405	41,870	20,566	15,199
Thu nhập	42,629	20,599	13,031	50,275	24,717	17,542

6.2. Tiền lương, thu nhập của người quản lý

Doanh nghiệp không có người quản lý.

7. An toàn lao động, vệ sinh lao động

- Số lao động làm các công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm: 290 người.
- Số lao động làm các công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm: 15.
- Tổng số lao động làm các công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động: 272 người.
- Đã thành lập hội đồng an toàn, vệ sinh lao động, gồm 08 thành viên; đã ban hành quy chế hoạt động và phân công trách nhiệm đối với từng thành viên trong hội đồng an toàn, vệ sinh lao động.
- Đã thành lập mạng lưới an toàn, vệ sinh viên, gồm 35 thành viên; đã bố trí phụ cấp trách nhiệm cho an toàn vệ sinh viên; đã xây dựng quy chế hoạt động của mạng lưới an toàn vệ sinh viên.
- Đã bố trí 08 cán bộ chuyên trách làm công tác an toàn lao động, vệ sinh lao động.
- Đã ký hợp đồng với Trung tâm Y tế cấp cứu 115 để thực hiện việc sơ cứu, cấp cứu cho người lao động.
- Tổng số các loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động đang sử dụng: 04 máy, thiết bị (02 thang máy, 02 bình chứa khí nén); đã định kỳ kiểm định kỹ thuật an toàn lao động và còn hạn kiểm định.
- Người sử dụng lao động và người lao động đã được huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động cấp chứng nhận và thẻ an toàn, vệ sinh lao động theo đúng quy định (400 người).
- Đã trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động, người lao động đã sử dụng phương tiện bảo vệ cá nhân khi làm việc.
- Đã xây dựng, niêm yết các nội quy, quy trình vận hành các loại máy, thiết bị và các biện pháp làm việc an toàn lao động, vệ sinh lao động.
- Tổng số vụ tai nạn lao động trong thời kỳ thanh tra: 0.
- Đã quan trắc môi trường lao động hàng năm. Tổng số mẫu đã đo: 432 mẫu; số mẫu không đạt: 86 mẫu (điện từ trường); đã trang bị bảo hộ lao động và bố trí việc kiểm tra trực tiếp tại các trạm 110KV tần suất 60 phút/tháng.
- Đã thực hiện bồi dưỡng bằng hiện vật cho người lao động làm việc trong điều kiện có yếu tố nguy hiểm, độc hại (mức 10.000 đồng/ca làm việc).
- Đã trang bị phương tiện kỹ thuật, y tế phục vụ ứng cứu, sơ cứu khi xảy ra sự cố, tai nạn lao động.
- Đã tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động theo đúng quy định; đã khám sức khỏe chuyên khoa cho lao động nữ theo quy định.

8. Lao động đặc thù

8.1. Các quy định riêng đối với lao động nữ, lao động cao tuổi, lao động là người khuyết tật

- Trong thời kỳ thanh tra, doanh nghiệp không sử dụng lao động cao tuổi, lao động là người khuyết tật.

- Tổng số lao động nữ tại doanh nghiệp là 92 người.

- Đã thực hiện các quy định riêng đối với lao động nữ, gồm:

+ Cho lao động nữ nghỉ 30 phút trong thời gian kinh nguyệt; nghỉ thêm 60 phút trong thời gian nuôi con nhỏ dưới 12 tháng tuổi;

+ Không có trường hợp sa thải hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động đối với lao động nữ trong doanh nghiệp;

+ Bố trí chỗ thay quần áo, buồng tắm và buồng vệ sinh cho lao động nữ;

+ Đảm bảo việc làm cho lao động nữ sau khi nghỉ thai sản.

8.2. Đối với lao động là người nước ngoài

Trong thời kỳ thanh tra, doanh nghiệp không sử dụng lao động là người nước ngoài.

9. Kỷ luật lao động, trách nhiệm vật chất

- Doanh nghiệp áp dụng nội quy lao động của Tổng công ty.

- Trong thời kỳ thanh tra, không có vụ việc xử lý kỷ luật lao động.

- Việc xử lý kỷ luật lao động bằng hình thức phạt tiền, trừ lương: không.

- Những trường hợp người lao động phải bồi thường trách nhiệm vật chất: không.

10. Tranh chấp lao động: không phát sinh.

11. Bảo hiểm xã hội (BHXH), Bảo hiểm thất nghiệp (BHTN) và bảo hiểm y tế (BHYT) (số liệu tính tại thời điểm thanh tra)

- Số người thuộc đối tượng tham gia BHXH bắt buộc, BHTN, BHYT: 400 người.

- Đã tham gia BHXH bắt buộc, BHTN, BHYT cho 400/400 người thuộc đối tượng phải tham gia.

- Số lao động không phải tham gia BHXH bắt buộc, BHTN, BHYT: 0

- Số sổ BHXH đã được cấp: 400; số sổ BHXH chưa được cấp: 0.

- Năm 2020, doanh nghiệp đóng BHXH cho 409 người với tổng số tiền là 13.335 triệu đồng; năm 2021, đóng BHXH cho 394 người với tổng số tiền là 14.790 triệu đồng.

- Doanh nghiệp không nợ tiền BHXH với cơ quan BHXH.

- Đã thực hiện các chế độ BHXH đối với người lao động theo quy định.

12. Khiếu nại về lao động: Không phát sinh.

III. NHỮNG QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LAO ĐỘNG CHƯA ĐƯỢC DOANH NGHIỆP THỰC HIỆN HOẶC THỰC HIỆN CHƯA ĐẦY ĐỦ

1. Hợp đồng lao động ghi chung chung, chưa thể hiện rõ quyền lợi và nghĩa vụ của người lao động: tại mục công việc phải làm ghi “do đơn vị trực tiếp quản lý phân công”; mục phụ cấp ghi “theo chế độ hiện hành”; các mục thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi ghi “theo quy định của Tổng công ty, của Nhà nước” là không đúng quy định tại Điều 21 Bộ luật Lao động, Điều 3 Thông tư số 10/2020/TT-BLĐTBXH ngày 12/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

2. Doanh nghiệp được Tổng giám đốc Tổng công ty ủy quyền quyết toán, phân phối quỹ tiền lương sản xuất kinh doanh khác cho người lao động. Doanh nghiệp đã xây dựng quy chế phân phối quỹ tiền lương sản xuất kinh doanh khác để làm căn cứ trả lương đến người lao động. Tuy nhiên, quy chế chưa quy định phương pháp trả lương đến người lao động là chưa đúng quy định tại Điều 15 Thông tư số 26/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

3. Tính số lao động bình quân thực tế sử dụng của khối sản xuất kinh doanh điện chưa đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 26/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, cụ thể: số lao động sản xuất kinh doanh điện có kiêm nhiệm tham gia ngày công thực hiện sản xuất kinh doanh khác trong giờ làm việc nhưng chưa được doanh nghiệp loại trừ số lao động này (bộ phận hotline).

4. Trả lương đối với những người lao động ký hợp đồng lao động có thời hạn 06 tháng chưa gắn với vị trí việc làm và hiệu quả công việc (chỉ được hưởng lương trọn gói là 05 triệu đồng/tháng) là chưa đúng theo quy chế trả lương của Tổng công ty ban hành kèm theo Quyết định số 7288/QĐ-EVNHANOI ngày 19/10/2018 và quy định tại Điều 15 Thông tư số 26/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

5. Tiền lương làm thêm giờ, tiền lương làm việc vào ban đêm được trả tính theo tiền lương cấp bậc là chưa đúng với quy định tại Điều 98 Bộ luật Lao động, Điều 55, Điều 56 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ.

IV. KIẾN NGHỊ

Chánh thanh tra Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội yêu cầu Giám đốc doanh nghiệp khắc phục các vi phạm tại phần III Kết luận thanh tra này như sau:

1. Sai phạm số 1, 3, 5, khắc phục khi phát sinh
2. Sai phạm số 4 phải thực hiện ngay.

3. Sai phạm còn lại phải được khắc phục xong trong vòng 45 ngày kể từ ngày ký Kết luận, đồng thời báo cáo (bằng văn bản) kết quả thực hiện các kiến nghị nêu trên, gửi kèm theo các văn bản, giấy tờ, hồ sơ có liên quan đến việc khắc phục sai phạm về Thanh tra Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, địa chỉ: Số 12 Ngô Quyền, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội./.

Nơi nhận:

- Doanh nghiệp (để thực hiện);
- Tổng công ty Điện lực thành phố Hà Nội (để chỉ đạo thực hiện);
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Công TTĐT Bộ LĐTBXH;
- Trang TTĐT Thanh tra Bộ LĐTBXH;
- Lưu: TTr, Hồ sơ.



Nguyễn Tiến Tùng